TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 25/7/2023

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Bình.

2. Ông Tôn Thất Hưng.

- Thư kY phiên tòa: Ông Phan Quyết Tâm - Thư kY Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Lan – Kiểm Sát V .

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lY số: 53/2023/TLST – HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2023 Quyết định hoãn phiên tòa số 106/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Như Y , sinh năm 1996.
Địa chỉ: Số C, ấp M, xã P, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.
2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn V , sinh năm 1993.
Địa chỉ: Ấp B, xã P , huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.
(Bà Y và ông V vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Y trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Y và ông V kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã *xã* P, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 119 ngày 21/9/2020. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh

mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp dẫn đến thường xuyên cãi vã, không hạnh phúc, ông V không có trách nhiệm với vợ và không lo làm ăn. Hai vợ chồng đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, bà Y và ông V sống ly thân mỗi người một nơi không còn quan tâm đến nhau. Nay bà Y xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông V .

Về quan hệ con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo N , sinh ngày 02/4/2021. Ly hôn, bà Y yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và tạm thời không yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Bị đơn ông V trình bày:* Quá trình giải quyết vụ án ông V vắng mặt nên không ghi nhận được lời khai.

** Y kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tham gia phiên tòa:*

- Về tố tụng:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý , giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư kY phiên tòa đã tuân thủ các quy đinh của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn đã thực hiện không đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử cho bà Nguyễn Thị Như Y được ly hôn với ông Nguyễn Văn V . Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Bảo N , sinh ngày 02/4/2021 cho bà Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng; Do bà Y không yêu cầu cấp dưỡng nên tạm thời ông V không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết, bị đơn vắng mặt nên không đặt ra xem xét, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Y phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đương sự không cung cấp, bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe Y kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Như Y khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn V , Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông V có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại địa chỉ: Ấp b, xã p , huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

[1.3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về việc thu thập tài liệu, chứng cứ; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Y và ông V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng kY kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai và được cấp chứng nhận đăng ký kết hôn số 119 ngày 21/9/2021 nên áp dụng Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng bà Y xác định giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung. Hai vợ chồng không còn sống chung với nhau, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm chăm sóc cho ai nên tình cảm vợ chồng vợ chồng không còn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án hòa giải nhưng ông V không đến Tòa án để làm việc như vậy thể hiện ông V không quan tâm đến hôn nhân với bà Y . Qua xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà Y và ông V tại nơi cư trú và được địa phương cung cấp thông tin hiện nay bà Y và ông V không còn chung sống với nhau, mỗi người một sinh sống một nơi. Như vậy, lời trình bày của bà Y và kết quả xác minh tại địa phương phù hợp với những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Y và ông V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét chấp nhận yêu cầu của bà Y xin ly hôn với ông V là phù hợp với khoản 1

Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà Y và ông V có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo N , sinh ngày 02/4/2021. Ly hôn bà Y có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con."*. Xét thấy, Bà Y trình bày và kết quả xác minh tại địa phương thì bà Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N ; hiện nay cháu N còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi và đang sinh sống ổn định với bà Y . Để đảm bảo cuộc sống của cháu N được ổn định, việc xem xét để ai trực tiếp nuôi con cần đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên nên Hội đồng xét xử giao con chung cho bà Y được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ông V không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở ông V thực hiện các quyền, nghĩa vụ này. Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Y không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án bà Y khai không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử quyết định không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án bà Y khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử quyết định không xem xét giải quyết.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Y chịu án phí hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lY và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Như Y về việc ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn V .

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Không có, không đặt ra xem xét giải quyết.

1.2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Bảo N , sinh ngày 02/4/2021 cho bà Y được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông V tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, ông V không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trợ. Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

1.3. Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Như Y phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà bà Y đã nộp tại biên lai số 0004968 ngày 01/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Bà Y đã nộp đủ án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS H. Vĩnh Cửu;
- UBND xã Phú LY ;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Tuấn